

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HS-ST

Ngày 11 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Tấn Lãm

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ng Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17 /2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Minh Kh, sinh năm 1968, nơi sinh: NAM Định; Cư trú: Thôn K, xã P huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: NAM; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt NAM; con ông V Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị N (đã chết); có vợ: Đỗ Thị Kim Th (đã ly hôn) và 06 người con, lớn nhất sinh năm 1999 và nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

2. Mai Thế Kh1 (tên gọi khác: Cò), sinh năm 1982, nơi sinh: Thanh Hóa; Nơi đăng ký thường trú: khu phố 8, phường p, thị xã l, tỉnh Bình Phước; và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Gia Tr, thuộc xã AJun, huyện Mang Yan, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: NAM; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt NAM; con ông Mai Thế Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ: Trương Thị Thanh Th và 02 người con lớn nhất sinh năm 2004 và nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: 01 tiền án: Ngày 22/5/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số: 30/2018/HS –ST và tổng hợp hình phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số:

24/2015/HS-ST ngày 17/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm tù, bị cáo chưa được xóa án tích; nhân thân: Ngày 17/9/2023, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 29/2023/HS –ST; Hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại Trại Giam Gia Tr, thuộc xã AJun, huyện Mang Yan, hình Gia Lai “có mặt”.

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; nơi sinh: Quảng Bình; cư trú: khu phố 9, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: NAM; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt NAM; con ông Nguyễn Đăng Tr (đã chết) và bà Đinh Thị H; có vợ Mai Thị Ph và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006 và nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2023 đến ngày 16/5/2023 được tại ngoại, đến ngày 08/9/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

- *Người bị hại*: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1976; cư trú: Thôn Khắc Khoan, huyện B, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Mai Thế Q, sinh năm 1994; cư trú: khu phố 8, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ *Người làm chứng*: Phạm Tuấn V, sinh năm 1995; cư trú: Thôn Bù Gia Phúc 2, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 06/5/2023, Vũ Minh Kh thấy nhà ông Lê Du Ng ở kế bên nhà Kh tại Thôn K, xã P huyện B, tỉnh Bình Phước không có ai ở nhà nên Kh nảy sinh ý định gọi người khác vào lấy trộm tài sản cho bồ ghét. Kh liền lấy điện thoại gọi điện cho Mai Thế Kh1 và nói “nhà ông Ng không có ai ở nhà, mày có lấy thì vào mà lấy, tao ghét ông lắm” thì Kh1 biết rõ Kh nói vào lấy trộm tài sản của người khác. Lúc này, Kh1 đang nhậu cùng với các đối tượng N1, Tr, Th (không rõ nhân thân, lai lịch) nên rủ đi vào xã P thì tất cả đồng ý; Tiếp đó, Kh1 gọi điện cho Nguyễn Văn H chạy xe ba gác vào đầu đường đôi xã P để chở đồ thì H đồng ý. Kh1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter (không rõ biển kiểm soát) chở NAM, còn Tr và Th đi 01 xe mô tô (không rõ nhãn hiệu, biển kiểm soát) vào nhà Kh. Khi vào đến nơi thì Kh dẫn Kh1 cùng các đối tượng N1, Tr, Th đi về phía sau đường lô cao su rồi chỉ nhà đang tắt điện là nhà ông Ng. Sau đó, tất cả cùng đi đến dỡ hàng rào nhà ông Ng ra rồi đi vào trong nhà; tại đây Kh soi đèn pin vào bộ bàn ghế làm bằng gỗ gõ, lúc này Kh1 hỏi “của người ta hả anh Kh”, Kh trả lời “cứ khiêng đi” thì Kh1, N1, Tr, Th tiến

hành khiêng bộ bàn ghế làm bằng gốc gỗ ra vị trí hàng rào để. Cùng lúc này H gọi điện cho Kh1 nói đã đến đầu đường đôi thì Kh1 đi ra dẫn H vào, trên đường đi Kh1 nói H tắt đèn xe để người dân không phát hiện thì H biết rõ vào chỗ tài sản do Kh1 trộm cắp. H chạy xe ba gác vào đến nơi thì Kh1, N1, Tr, Th khiêng 02 ghế lên xe ba gác, sau đó tiếp tục khiêng bàn lên xe nhưng do bàn quá nặng nên Kh, H vào cùng khiêng lên xe. Khiêng xong thì Kh đi về nhà, còn H lấy bạt che, buộc bộ bàn ghế lại; lúc này Lê Thanh T (con ruột ông Ng) đi làm về phát hiện, tri hô nên Kh1, N1, Tr, Th lên xe mô tô bỏ chạy khỏi hiện trường, còn H trốn vào bụi tre gần đó ẩn nấp thì bị T và Phạm Tấn V phát hiện, bắt giữ giao cho Công an xã P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật (01 xe ba gác không rõ nhãn hiệu, màu xanh bạc, biển kiểm soát 60Y2-3285; 02 cái ghế bằng gốc gỗ và 01 cái bàn bằng gốc gỗ).

Sau đó, Công an xã P đã chuyển hồ sơ cùng tang vật cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B để điều tra theo thẩm quyền.

Theo Kết luận giám định số 301/CNR-VP ngày 29/5/2023 của Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng - Viện khoa học lâm nghiệp Việt NAM 03 mẫu gỗ do Cơ quan CSĐT Công an huyện B trưng cầu giám định có ký hiệu riêng từ 01 đến 03, kết luận 03 mẫu gỗ giám định đồng nhất một chủng loại gỗ. Tên Việt NAM: Gỗ giáng hương quả to (Giáng hương).

Theo Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐDGTS ngày 15/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B tại thời điểm ngày 06/5/2023 tổng giá trị của một cái bàn bằng gốc gỗ giáng hương, nhóm IIA, có kích thước 80cm, mặt bàn có kích thước (1,4x01)m, dày 15cm và 02 ghế bằng gốc gỗ giáng hương, nhóm IIA, có kích thước cao 1,4m, tay ghế 30cm, mặt ghế dài 60cm, dày 10cm là 10.100.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Vũ Minh Kh và đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Minh Kh từ 10 tháng đến 12 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1 Điều 551; Điều 50; Điều 38, Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Thế Kh1 từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 29/2023/HSST ngày 27/9/2023 buộc bị cáo Kh1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về xử lý vật chứng: đề áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với 01 cái bàn bằng gỗ gõ giáng hương và 02 ghế bằng gỗ gõ giáng hương là tài sản hợp pháp của Lê Thanh T nên ngày 08/01/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho T;

- Đối với 01 xe ba gác, không rõ nhãn hiệu, màu xanh có biển kiểm soát 60Y2-3285 thu giữ từ Nguyễn Văn H. Qua làm việc H khai mua trên mạng vào năm 2022 của một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 44.000.000 đồng, khi mua xe không có giấy tờ, không có giấy mua bán. Hiện nay chưa xác định được nguồn gốc (người đứng tên chủ sở hữu) chiếc xe, do đó giao lại chiếc xe trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mà bị cáo Kh sử dụng gọi Kh1 vào trộm tài sản. Do Kh đã bán cho người mua ve chai (không rõ nhân thân lai lịch) nên không thu hồi được. Do đó không đề cập xử lý;

- Đối với di động nhãn hiệu Nokia mà bị can Kh1 sử dụng liên lạc với Kh để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Kh1 đã làm mất nên không thu hồi được. Do đó không đề cập xử lý;

- Đối với 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter (không rõ biển kiểm soát) mà Mai Thế Kh1 dùng làm phương tiện phạm tội là của đối tượng N1, do không xác định được đối tượng N1 nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại Lê Thanh T số tiền 8.000.000 đồng (chi phí sửa chữa, tổn thất tinh thần) và người bị hại T không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận gì về tội danh và mức hình phạt theo lời trình bày luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Kh, H, Kh1 nói lời sau cùng: các bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Trong quá điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo Kh, Kh1 và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng vụ án đã thu giữ được, biên bản khám nghiệm hiện trường, đồng thời phù hợp với kết luận của Đại diện Viện kiểm sát và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tội ngày 06/5/2023, Vũ Minh Kh, Mai Thế Kh1, Nguyễn Văn H và các đối tượng N1, Tr, Th (chưa rõ nhân thân lai lịch) có hành vi lén lút trộm cắp 01 bàn bằng gỗ gõ giáng hương và 02 ghế bằng gỗ gõ giáng hương của người bị hại Lê Thanh T ở tại Khắc Khoan, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước đem bán lấy tiền tiêu xài. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 10.100.000 đồng.

[3] Đối chiếu với hành vi nêu trên của các bị cáo so với những quy định của pháp luật hình sự thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn:

[5.1] Đối với bị cáo Vũ Minh Kh là người khởi xướng, rủ bị cáo Kh1 đi trộm cắp tài sản; bị cáo là người chỉ dẫn vị trí và tài sản là bộ bàn ghế bằng gỗ gõ giáng hương cho bị cáo Kh1 và các đối tượng N1, Tr, Th để thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, bị cáo là người cùng với các bị cáo Kh1, H và các đối tượng N1, Tr, Th khiêng bộ bàn bằng gỗ gõ giáng hương lên xe nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt

tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5.2] Đối với bị cáo Kh1 sau khi được bị cáo Kh rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo đã đồng ý và bị cáo là người rủ các đối tượng Tr, N1, Th và gọi điện rủ bị cáo H để cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Cũng chính bị cáo là người trực tiếp cùng các bị cáo Kh, H và các đối tượng Tr, N1, Th thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, trước đó ngày 22/5/2018 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù về tội “cố ý gây thương tích” theo bản án số 30/2018/HS – ST; bị cáo chưa được xóa án tích nhưng đến ngày 06/5/2023 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội này; khi vụ án đang trong quá trình điều tra thì ngày 24/5/2023, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 17/9/2023 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 18 tháng tù theo bản án số 29/2023/HS – ST, chứng tỏ bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật và hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và cao hơn các bị cáo khác nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5.2] Đối với bị cáo H sau khi được bị cáo Kh1 rủ thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đồng ý. Bị cáo là người chuẩn bị phương tiện là xe ba gác để vận chuyển tài sản trộm cắp được. Cũng chính bị cáo là người cùng với các bị cáo Kh, Kh1 khiêng bộ bàn ghế bằng gỗ lên xe bà gác và lấy bạt phủ che tài sản trộm cắp được để nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình và đồng phạm. Vì vậy, cần xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[6.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vũ Minh Kh và Nguyễn Văn H, Mai Thế Kh1 sau khi phạm tội đã Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại; các bị cáo Kh, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo Kh và H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Kh1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Kh, H không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bị cáo Kh1 có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6.3] Về nhân thân: Các bị cáo Kh, H là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Kh1 làm người có nhân thân xấu.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...”. Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có nghề nghiệp làm nông, không có thu nhập ổn định. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị mức hình phạt và đề nghị xử lý vật chứng và không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình truy tố, các bị cáo đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng cho người bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện. Tại phiên tòa người bị hại Lê Thanh T không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với 01 cái bàn bằng gỗ gõ giáng hương và 02 ghế bằng gỗ gõ giáng hương là tài sản hợp pháp của ông Lê Thanh T nên ngày 08/01/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý lại.

- Đối với 01 xe ba gác, không rõ nhãn hiệu, màu xanh có biển kiểm soát 60Y2-3285 thu giữ từ Nguyễn Văn H. Qua làm việc thì H khai mua trên mạng vào năm 2022 của một người đàn ông (không rõ nhân thân lại lịch) với giá 44.000.000 đồng, khi mua xe không có giấy tờ, không có giấy mua bán. Hiện nay chưa xác định được nguồn gốc (người đứng tên chủ sở hữu) chiếc xe, do đó giao lại chiếc xe trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mà bị can Kh sử dụng gọi Kh1 vào trộm tài sản. Do Kh đã bán cho người mua ve chai (không rõ nhân thân lại lịch) nên không thu hồi được. Do đó không đề cập xử lý.

- Đối với di động nhãn hiệu Nokia mà bị can Kh1 sử dụng liên lạc với Kh để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Kh1 đã làm mất nên không thu hồi được. Do đó không đề cập xử lý.

- Đối với 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter (không rõ biển kiểm soát) mà Mai Thế Kh1 dùng làm phương tiện phạm tội là của đối tượng N1, do không xác định được đối tượng N1 nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

[11] Đối với các đối tượng N1, Tr, Th đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Vũ Minh Kh, Mai Thế Kh1, Nguyễn Văn H. Do không xác định được nhân thân lại lịch nên không đề cập xử lý.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Minh Kh, Mai Thế Kh1 và Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ Điều 260, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Minh Kh 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 11/4/2024) và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho UBND phường Long Phước, thị xã P, tỉnh Bình Phước nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án được hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Mai Thế Kh1 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 (Mười tám) tháng tù của Bản án số 29/2023/HS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi, buộc bị cáo Mai Thế Kh1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2023.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Vũ Minh Kh, Mai Thế Kh1 và Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

3. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an, VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công